

Số: 343/BC-THCT

Chà Tỏ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH Chà Tỏ

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Nà Pầu, xã Chà Tỏ, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0857232756

- Trang thông tin điện tử: <https://thchato.nampo.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Chà Tỏ, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường tiểu học Chà Tỏ là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%

1.3. Chất lượng học sinh:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99.7%;
- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBT Tiểu học Chà Tở được chia tách từ trường từ trường THCS Chà Tở theo quyết định số 369/QĐ-UB ngày 21/7/2004 của UBND huyện Mường Lay. Tháng 10 năm 2014 trường được đổi tên thành trường PTDTBT TH Chà Tở theo QĐ số 1995/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ. Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Song tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT Tiểu học Chà Tở liên tục được Chủ tịch UBND huyện Nậm Pồ công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025. Được chủ tịch tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và tặng bằng khen năm học 2017-2018, 2020-2021, 2021- 2022, 2022-2023. Năm học 2020 - 2021, nhà trường được công nhận là Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Hằng năm có trên 95% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 20% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, 15% cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Phạm Thị Hồng Nhung
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH Chà Tở, Tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0857.232.756
- Gmail: nhungpth.thchanua.muongcha@dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2004 của UBND huyện Mường Lay. Quyết định về việc chia tách, thành lập và đổi tên trường học.

- Quyết định số 1995/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc thành lập trường PTDTBT TH Chà Tở.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

- Quyết định số 4371/QĐ-UBND, ngày 27/09/2024 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung kiện toàn Hội đồng trường tiểu học nhiệm kỳ 2021-2026.

- Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Phạm Thị Hồng Nhung	BTCB, Hiệu trưởng	
2.	Lò Văn Thiên	Chủ tịch công đoàn	
3.	Lò Văn Hiến	Giáo viên	
4.	Lò Đức Chuyên	Bí thư đoàn TN	
5.	Khoàng Thị Luyện	Tổ phó CM khối 2+3	
6.	Nguyễn Xuân Quỳnh	Tổ trưởng tổ CM khối 1	
7.	Lường Thị Thoan	Tổ trưởng tổ CM khối 4+5	
8.	Lường Văn Biên	Tổ trưởng tổ văn phòng	
9.	Thùng Văn Quý	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	
10.	Cà Thị Lan	Tổ trưởng tổ CM khối 2+3	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Phạm Thị Hồng Nhung

+ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: Poòng Văn Phúc

+ Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức;

+ Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: Hà Hữu Chí

+ Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức;

+ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 29 đảng viên.
- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 368 đội viên và nhi đồng
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định số 1995/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc thành lập trường PTDTBT TH Chà Tở

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Hiệu trưởng	0857232756	nhungpth.thchanua.muongcha@dienbie n.edu.vn
2	Hà Hữu Chí	Phó hiệu trưởng	0379131688	chihh.chato.nampo@gmail.com
3	Poòng Văn Phúc	Phó hiệu trưởng	0946229638	phucchato75@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 36 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	7	
2	Giáo viên TH hạng III	16	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Thư viện	1	
3	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
4	Vị trí việc làm Kế toán	0	
5	Vị trí việc làm Văn thư	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	5	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có 1 điểm trường chính và 1 điểm trường lẻ với tổng diện tích là 6828 m²/385 học sinh, trung bình đạt 17,7m²/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

- CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

- Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo. Phòng Tin học có tổng số 14 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

- Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

- Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

- Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu, đề xuất với các cấp lãnh đạo, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo

tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng từ năm học 2020-2021 tại trường PTDTBT TH Chà Tở.

(Kèm theo Văn bản số: 18/BC-THCT ngày 06/4/2020 của Trường PTDTBT Th Chà Tở)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, ..., Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	
2	Toán 1	Hà Huy Khoái, Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng,..., Bùi Bá Mạnh	
3	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan, Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga	
4	Tự nhiên và xã hội 1	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thán,..., Hoàng Quý Tĩnh	
I. Bộ sách Cánh diều			
1	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang, Nguyễn Công Trường	
2	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiên	
3	Mĩ Thuật 1	Phạm Văn Tuyền, Nguyễn Thị Đông, ..., Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang	
4	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế	

4.2. Danh mục sách giáo khoa lớp 2 sử dụng từ năm học 2021-2022 tại trường PTDTBT TH Chà Tở.

(Kèm theo QĐ số: 534/QĐ-UBND ngày 13/04/2021 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 2	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng Chủ biên: Bùi Mạnh Hùng – Trần Thị Hiền Lương. Tác giả: Đỗ Hồng Dương – Vũ Thị Thanh Hương – Vũ Thị Lan – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Trần Kim Phụng.	
2	Toán 2	Tổng chủ biên: Hà Huy Khoái Chủ biên: Lê Anh Vinh Tác giả: Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương- Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh.	

3	Đạo đức 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Toan Chủ biên: Trần Thành Nam Tác giả: Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung – Lê Thị Tuyết Mai.	
4	Tự nhiên và xã hội 2	Tổng chủ biên: Đỗ Xuân Hội Chủ biên: Nguyễn Thị Thu Hằng Tác giả: Lưu Phương Thanh Bình – Trần Thị Thu Hiền – Lý Khánh Hoa – Mai Thị Kim Phụng.	
5	Mĩ Thuật 2	Tổng chủ biên: Đoàn Thị Mỹ Hương – Đinh Gia Lê. Chủ biên: Trần Thị Biền. Tác giả: Phạm Duy Anh – Bạch Ngọc Diệp – Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuấn.	
6	Giáo dục thể chất 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Duy Quyết – Hồ Đắc Sơn. Chủ biên: Lê Anh Thơ Tác giả: Nguyễn Thị Hà – Đỗ Mạnh Hưng – Vũ Văn Thịnh – Vũ Thị Hồng Thu – Vũ Thị Thư – Nguyễn Thành Trung – Nguyễn Duy Tuyền – Phạm Mai Vương.	
7	Âm nhạc 2	Tổng chủ biên: Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính. Chủ biên: Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính. Tác giả: Nguyễn Thị Thanh Bình - Mai Linh Chi - Nguyễn Thị Phương Mai - Nguyễn Thị Nga - Đặng Khánh Nhật - Trần Thị Kim Thăng - Nguyễn Thị Thanh Vân.	
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Tổng chủ biên: Lưu Thu Thủy – Bùi Sỹ Tụng Chủ biên: Nguyễn Thụy Anh – Nguyễn Thanh Bình Tác giả: Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình – Bùi Thị Hương Liên – Lê Thị Luận – Trần Thị Tố Oanh – Trần Thị Thu.	
9	Tiếng Anh 2	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân Chủ biên: Lương Quỳnh Trang Tác giả: Nguyễn Thị Lan Anh - Đỗ Ngọc Hiền - Nguyễn Bích Thủy - Nguyễn Quốc Tuấn.	

4.3. Danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng từ năm học 2022-2023 tại trường PTDTBT TH Chà Tở.

(Kèm theo QĐ số: 725/QĐ-UBND ngày 28/04/2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương,	

		Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	
4	TN&XH 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	
5	Tin học 3	Nguyễn Tương Tri (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	
7	GDTC 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	
8	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	
9	HĐTN 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	
10	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	
11	Tiếng Anh 3 (i-Leam Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	

4.4. Danh mục sách giáo khoa lớp 4 sử dụng từ năm học 2023-2024 tại trường PTDTBT TH Chà Tở.

(Kèm theo QĐ số: 699/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Giáo dục Việt Nam
4	LS&ĐL 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Nguyễn Tương Tri (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	Đại học Huế
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu,	Giáo dục Việt Nam

		Phạm Mai Vương.	
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Oanh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

4.5. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng từ năm học 2025-2026 tại trường PTDTBT TH Chà Tở.

(Kèm theo QĐ số: 877/QĐ-UBND ngày 10/05/2024 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ	

		biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	
6	Tin học 5	Nguyễn Tương Tri (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	Nhà xuất bản Đại học Huế
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	
8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	
10	Mĩ Thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	
11	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	

- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

- Sách Pháp luật gồm: có 152 đầu sách, 296 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh

trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 285 quyển.

- Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	X

Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	-
Tiêu chí 4.2		X	X	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

* Nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường đạt chuẩn mức độ 1 theo Quyết định số 1841/QĐ-SGDĐT, ngày 20/4/2021.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có tổng số **368** học sinh, số học sinh nữ là 172 em chiếm 46,7%. Có **15** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 24,5 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,2% số học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 368/368 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 16 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

<i>I. Kết quả học tập</i>	KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
1. Tiếng Việt	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	155	26	8	25	15	30	17	38	20	36	22

Hoàn thành	190	40	14	31	12	45	25	39	18	35	14
Chưa hoàn thành	23	6	1	6	1	6	2	3	2	2	1
2. Toán	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	159	27	8	27	14	32	19	39	20	34	20
Hoàn thành	185	39	14	29	13	43	23	38	18	36	15
Chưa hoàn thành	24	6	1	6	1	6	2	3	2	3	2
3. Đạo đức	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	178	29	10	31	17	35	20	42	23	41	24
Hoàn thành	190	43	13	31	11	46	24	38	17	32	13
Chưa hoàn thành											
4. Tự nhiên và Xã hội	215	72	23	62	28	81	44				
Hoàn thành tốt	88	28	9	27	15	33	18				
Hoàn thành	124	41	14	35	13	48	26				
Chưa hoàn thành	3	3									
5. Khoa học	153							80	40	73	37
Hoàn thành tốt	75							39	21	36	22
Hoàn thành	78							41	19	37	15
Chưa hoàn thành											
6. LS &ĐL	153							80	40	73	37
Hoàn thành tốt	73							39	21	34	20
Hoàn thành	80							41	19	39	17
Chưa hoàn thành											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	165	31	14	27	15	33	18	39	20	35	21
Hoàn thành	203	41	9	35	13	48	26	41	20	38	16
Chưa hoàn thành											
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	167	32	13	27	15	33	18	39	20	36	22
Hoàn thành	201	40	10	35	13	48	26	41	20	37	15
Chưa hoàn thành											
9. Hoạt động trải nghiệm	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	166	29	10	27	15	35	20	39	20	36	22
Hoàn thành	202	43	13	35	13	46	24	41	20	37	15
Chưa hoàn thành											
10. Giáo dục thể chất	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	167	30	10	26	15	35	20	39	19	37	23
Hoàn thành	201	42	13	36	13	46	24	41	21	36	14
Chưa hoàn thành											
11. TH-CN (Công nghệ)	234					81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	107					33	18	38	18	36	22
Hoàn thành	127					48	26	42	22	37	15

Chưa hoàn thành											
12. TH-CN (Tin học)	234					81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	108					33	18	39	21	36	22
Hoàn thành	126					48	26	41	19	37	15
Chưa hoàn thành											
13. Ngoại ngữ	234					81	44	80	40	73	37
Hoàn thành tốt	100					30	17	36	20	34	20
Hoàn thành	122					45	25	41	18	36	15
Chưa hoàn thành	12					6	2	3	2	3	2
14. Tiếng dân tộc											
Hoàn thành tốt											
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Tốt	166	28	9	27	15	35	20	40	21	36	22
Đạt	181	41	14	29	12	40	22	37	17	34	13
Cần cố gắng	21	3		6	1	6	2	3	2	3	2
Giao tiếp và hợp tác	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Tốt	162	27	9	29	16	33	18	38	20	35	21
Đạt	182	39	13	27	11	42	24	39	18	35	14
Cần cố gắng	24	6	1	6	1	6	2	3	2	3	2
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Tốt	160	27	9	29	16	32	19	37	20	35	21
Đạt	186	39	13	29	12	43	23	40	18	35	14
Cần cố gắng	22	6	1	4		6	2	3	2	3	2
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Tốt	155	26	8	25	15	30	17	38	20	36	22
Đạt	190	40	14	31	12	45	25	39	18	35	14
Cần cố gắng	23	6	1	6	1	6	2	3	2	2	1
Tính toán	368	72	23	62	28	81	44	80	40	73	37
Tốt	159	27	8	27	16	32	19	39	20	34	20
Đạt	185	39	14	29	11	43	23	38	18	36	15
Cần cố gắng	24	6	1	6	1	6	2	3	2	3	2
Tin học	234					81	44	80	40	73	37
Tốt	107					32	19	39	21	36	22
Đạt	127					49	25	41	19	37	15
Cần cố gắng											
Công nghệ	234					81	44	80	40	73	37
Tốt	106					32	18	38	18	36	22
Đạt	128					49	26	42	22	37	15

[illegible]

K.khẩn											
+ Thiên tai, dịch bệnh											
+ Nguyên nhân khác											

Khen thưởng Cuộc thi Violympic:

- Vòng trường: 05 Giải Bạc; 12 Giải Đồng; 23 Giải Khuyến khích.

Khen thưởng Cuộc thi Trạng nguyên Tiếng việt

- Vòng Sơ khảo: 01 Giải Nhất; 01 Giải Nhì; 02 Giải Ba; 07 Giải khuyến khích.

- Phong trào hoạt động của đội TNTPHCM Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi do ngành phát động.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 86/86 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài:

Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách năm 2025:

*. Kinh phí chi thường xuyên:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

- Dự toán được giao trong năm 2025: **9.713.578.727** đồng, trong đó:

- Kinh phí thực nhận trong năm 2025: 9.713.578.727 đồng

- Kinh phí quyết toán: 9.713.578.727 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng
- Kinh phí nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2025 - 2026: 0 đồng
- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2025 - 2026: 0 đồng;
- Kinh phí nhận nguồn thỏa thuận, dịch vụ năm học 2025 - 2026: 0 đồng
- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận, dịch vụ năm học 2025 - 2026: 0 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

*** Kinh phí chi không thường xuyên:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Dự toán được giao trong năm 2025: 3.618.724.000 đồng, trong đó:
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 3.618.724.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 3.515.834.774 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Kinh phí hủy dự toán: 106.633.226 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

*** Kinh phí chi tiền thưởng theo nghị định 73**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Dự toán được giao trong năm 2025: 312.000.000 đồng, trong đó:
- Kinh phí thực nhận trong năm: 312.000.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 312.000.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 25 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Khuyến khích học sinh viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

- Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường, làm đồ chơi ngoài trời cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 29 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. 01 quần chúng tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức đảng.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

- Làm 03 phòng tắm cho học sinh bán trú

- Tu sửa hệ thống điện các phòng ở bán trú

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH Chà Tở theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH;
- Website trường (để công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Nhung